

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI DO XÂM PHẠM QUYỀN RIÊNG TƯ, QUYỀN CỦA CÁ NHÂN ĐỐI VỚI HÌNH ẢNH

NGUYỄN VĂN HỘI*

Quyền về đời sống riêng tư và quyền của cá nhân đối với hình ảnh là quyền nhân thân của cá nhân được BLDS ghi nhận và bảo vệ. Chủ thể thực hiện hành vi xâm phạm quyền về đời sống riêng tư và quyền của cá nhân đối với hình ảnh có thể phải chịu nhiều loại trách nhiệm pháp lý khác nhau. Tuy nhiên, trong bài viết này, tác giả chỉ đề cập đến một số vấn đề về bồi thường thiệt hại do xâm phạm quyền riêng tư, quyền của cá nhân đối với hình ảnh.

Từ khóa: Quyền riêng tư, quyền đối với hình ảnh, bồi thường thiệt hại.

Ngày nhận bài: 14/01/2020; Ngày biên tập xong: 10/02/2020; Ngày duyệt đăng: 17/02/2020.

Rights in private life and personal rights for images are recognized and protected by the 2015 Civil Code. The subject who infringes the right in private life and personal rights for images shall bear various types of legal liabilities. However, within this paper, the author only mentions to several matters on damage compensation due to infringing private and personal rights for images.

Keywords: Private rights, rights for images, damage compensation.

1. Điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường

Trên thực tế, hành vi xâm phạm các quyền nhân thân của cá nhân nói chung, quyền riêng tư và quyền của cá nhân đối với hình ảnh nói riêng có thể được thực hiện với nhiều mức độ khác nhau, từ ít nghiêm trọng đến nghiêm trọng. Chủ thể xâm phạm các quyền này cũng phải gánh chịu các loại trách nhiệm pháp lý khác nhau, trong đó có thể bao gồm trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Song, cũng như việc áp dụng trách nhiệm pháp lý khác, việc áp dụng trách nhiệm bồi thường cũng dựa trên những điều kiện nhất định. Trước đây, BLDS năm 2005 và Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLDS về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng (Nghị quyết số 03/2006) đều quy định 4 điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại

ngoài hợp đồng là: (i) Có thiệt hại xảy ra; (ii) Có hành vi trái pháp luật; (iii) Có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại xảy ra và hành vi trái pháp luật; (iv) Có lỗi cố ý hoặc vô ý của người gây thiệt hại.

Hiện nay, Điều 584 BLDS năm 2015 quy định “*căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường theo hướng không dựa trên cơ sở lỗi như trong quy định của BLDS năm 2005 mà tiếp cận theo hướng, người nào có hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của người khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác*”¹. Theo đó, trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nói chung, trách nhiệm bồi thường

* Tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội

¹ Đinh Trung Tụng (chủ biên, 2016), Bối cảnh xây dựng và một số nội dung mới chủ yếu của BLDS năm 2015 (so sánh với BLDS năm 2005), sách tham khảo, Nxb Tư pháp, Hà Nội, tr.55.

thiệt hại do xâm phạm quyền riêng tư, quyền của cá nhân đối với hình ảnh sẽ phát sinh khi người yêu cầu bồi thường chứng minh được 03 điều kiện là: (i) Có thiệt hại thực tế xảy ra; (ii) Hành vi trái luật xâm phạm quyền riêng tư, quyền của cá nhân đối với hình ảnh; (iii) Có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái luật xâm phạm quyền riêng tư, quyền của cá nhân đối với hình ảnh với thiệt hại xảy ra.

1.1. Có thiệt hại thực tế xảy ra

Đây là điều kiện tiên quyết nhất khi xem xét việc có áp dụng trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với chủ thể có liên quan hay không. Bởi vì, cho dù đối tượng bị xâm phạm là các lợi ích về vật chất hay các lợi ích về tinh thần thì mục đích của việc áp dụng trách nhiệm bồi thường thiệt hại là nhằm bù đắp tổn thất mà người bị thiệt hại phải gánh chịu. Do đó, nếu không có thiệt hại thực tế xảy ra thì việc khắc phục thiệt hại sẽ không đặt ra và trách nhiệm bồi thường thiệt hại sẽ không được áp dụng. Song, để có thể xác định chính xác điều kiện này có xảy ra hay không, cần phải nhìn nhận chính xác về thiệt hại và các loại thiệt hại tương ứng với từng đối tượng bị xâm phạm. *“Thiệt hại được hiểu là sự giảm bớt những lợi ích vật chất và phi vật chất của một chủ thể xác định được trên thực tế bằng một khoản tiền cụ thể”²*. Ở một góc nhìn khác, *“thiệt hại lại được hiểu là những tổn thất thực tế được tính thành tiền do việc xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, uy tín, tài sản của cá nhân, tổ chức”³*.

BLDS không đưa ra định nghĩa về thiệt hại mà chỉ quy định về cách xác định thiệt hại do tài sản, sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm. Nghị quyết số 03/2006 cũng không định nghĩa thiệt hại, nhưng lại xác định thiệt hại bao gồm thiệt hại về vật chất và thiệt hại do tổn thất về tinh thần. Trong đó *“thiệt hại do tổn thất về tinh thần của cá nhân được hiểu là do sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm mà người bị thiệt hại hoặc do tính mạng bị xâm phạm mà người thân thích gần gũi nhất của nạn nhân phải chịu đau thương, buồn phiền, mất mát về tình cảm, bị giảm sút hoặc mất uy tín, bị bạn bè xa lánh do bị hiểu nhầm.. và cần phải được bồi thường một khoản tiền bù đắp tổn thất mà họ phải chịu”⁴*.

Như vậy, khi quyền riêng tư, quyền của cá nhân đối với hình ảnh bị xâm phạm, thiệt hại có bao gồm thiệt hại về tinh thần hay không hoàn toàn phụ thuộc vào việc chứng minh của người bị thiệt hại. Theo đó, nếu người bị thiệt hại chứng minh được hành vi xâm phạm quyền riêng tư, quyền của cá nhân đối với hình ảnh đã xâm phạm đến *“danh dự, nhân phẩm hoặc uy tín”* của mình thì thiệt hại sẽ bao gồm cả thiệt hại về vật chất và cả thiệt hại về tinh thần.

Đối với thiệt hại về vật chất (chi phí hợp lý để hạn chế, khắc phục thiệt hại; thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút; thiệt hại khác do luật quy định), người bị thiệt hại yêu cầu bồi thường thiệt hại phải nêu rõ từng khoản thiệt hại thực tế đã xảy ra, mức yêu cầu bồi thường và phải có chứng từ hoặc giấy biên nhận hợp lệ về các khoản chi phí hợp lý, về thu nhập của người bị

² Phùng Trung Tập (2009), Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản, sức khỏe và tính mạng, Nxb Hà Nội, Hà Nội, tr.38.

³ Trường Đại học Luật Hà Nội (2009), Giáo trình Luật Dân sự (tập 2), Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội, tr.262.

⁴ Xem điểm b tiểu mục 1.1 mục 1 phần I Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLDS về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

thiệt hại⁵.

Đối với thiệt hại về tinh thần (trong trường hợp hành vi xâm phạm quyền riêng tư, quyền đối với hình ảnh đã gây tổn hại về danh dự, nhân phẩm hoặc uy tín cho cá nhân) thì không phải chứng minh. Bởi đây là thiệt hại đương nhiên được bồi thường khi danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm.

1.2. Có hành vi trái luật xâm phạm quyền riêng tư, quyền của cá nhân đối với hình ảnh

Hiến pháp năm 2013 quy định: “Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng”⁶. Đồng thời, Điều 21 Hiến pháp còn ghi nhận “Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình”. Trong BLDS năm 2015, quyền riêng tư, quyền của cá nhân đối với hình ảnh cùng với các quyền nhân thân khác của cá nhân là những quyền thuộc “nội dung năng lực pháp luật dân sự của cá nhân”⁷. Đồng thời, “Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân không bị hạn chế, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác”⁸.

Với những quy định trên cho thấy, quyền riêng tư, quyền của cá nhân đối với hình ảnh là những quyền Hiến định

và chỉ bị hạn chế bởi các văn bản luật do Quốc hội ban hành. Do đó, các trường hợp sử dụng hình ảnh của cá nhân và việc thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến đời sống riêng tư của cá nhân mà không được cá nhân đồng ý và cũng không thuộc các trường hợp được luật cho phép đều bị coi là hành vi xâm phạm quyền riêng tư, quyền của cá nhân đối với hình ảnh.

BLDS năm 2015 không định nghĩa hành vi xâm phạm quyền riêng tư, quyền của cá nhân đối với hình ảnh và cũng không xác định các hành vi bị coi là xâm phạm quyền riêng tư, quyền của cá nhân đối với hình ảnh, mà chỉ quy định về các trường hợp được sử dụng hình ảnh, được thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến đời sống riêng tư của cá nhân. Cụ thể như sau:

Các trường hợp được sử dụng hình ảnh của cá nhân⁹: (i) Được sự đồng ý của cá nhân đó hoặc người đại diện theo pháp luật của họ; (ii) Hình ảnh được sử dụng vì lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng; (iii) Hình ảnh được sử dụng từ các hoạt động công cộng, bao gồm hội nghị, hội thảo, hoạt động thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật và hoạt động công cộng khác mà không làm tổn hại đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của người có hình ảnh.

Các trường hợp được thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến đời sống riêng tư của cá nhân: (i) Được sự đồng ý của cá nhân; (ii) Được luật quy định.

Theo quy định tại Điều 7 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016, thông tin liên quan đến đời sống riêng tư của cá nhân thuộc nhóm thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện. Những điều kiện để được tiếp cận thông tin của cá nhân cũng phù hợp với các

⁵ Xem mục 5 phần I Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLDS về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

⁶ Xem khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013

⁷ Xem khoản 1 Điều 17 BLDS năm 2015

⁸ Xem Điều 18 BLDS năm 2015

⁹ Xem Điều 32 BLDS năm 2015

quy định liên quan đến quyền riêng tư của cá nhân được ghi nhận tại Điều 38 BLDS năm 2015, bao gồm hai trường hợp cụ thể như sau: (i) Thông tin liên quan đến bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân được tiếp cận trong trường hợp được người đó đồng ý; (ii) Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, người đứng đầu cơ quan nhà nước quyết định việc cung cấp thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình trong trường hợp cần thiết vì lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng theo quy định của luật có liên quan mà không cần có sự đồng ý theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Trên thực tế, việc một người sử dụng hình ảnh, thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến đời sống riêng tư của người khác có thể với nhiều mục đích khác nhau, trong đó có thể có cả mục đích thương mại. Mặt khác, việc sử dụng hình ảnh, thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến đời sống riêng tư của người khác có thể mang lại những ảnh hưởng xấu, nhưng cũng có thể mang lại những tác động tích cực đến đời sống của họ như có thể khiến họ trở nên nổi tiếng, thu nhập tăng. Song, với những phân tích ở trên cho thấy quyền riêng tư, quyền của cá nhân đối với hình ảnh là các quyền nhân thân gắn liền với mỗi cá nhân, không thể chuyển giao, không thể định giá. Đó là những yếu tố gắn liền với đời sống tinh thần của cá nhân. Việc đánh giá tích cực hay tiêu cực của việc tự ý sử dụng hình ảnh, thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến đời sống riêng tư của cá nhân sẽ mang tính chủ quan và phụ thuộc và mỗi cá nhân khác nhau. Do vậy, việc sử dụng hình ảnh của cá nhân, hành vi thu thập, lưu giữ, sử dụng, công

khai thông tin liên quan đến đời sống riêng tư của cá nhân mà không thuộc các trường hợp được pháp luật đã mô tả ở trên đều bị coi là hành vi xâm phạm quyền riêng tư, quyền của cá nhân đối với hình ảnh.

1.3. Có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái luật xâm phạm quyền riêng tư, quyền của cá nhân đối với hình ảnh với thiệt hại xảy ra

Ngoài việc chứng minh có hành vi trái luật xâm phạm quyền riêng tư, quyền của cá nhân đối với hình ảnh và thiệt hại thực tế xảy ra, người yêu cầu bồi thường thiệt hại còn phải chứng minh mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái luật và thiệt hại xảy ra. Theo đó, phải chứng minh hành vi xâm phạm quyền riêng tư, quyền của cá nhân đối với hình ảnh xảy ra trước, thiệt hại xảy ra sau và hành vi là nguyên nhân dẫn đến thiệt hại. Tuy nhiên, BLDS năm 2015 cũng ghi nhận quy định về nghĩa vụ khắc phục thiệt hại, có ảnh hưởng đến việc xác định mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái luật và thiệt hại xảy ra. Theo đó, *"bên có quyền, lợi ích bị xâm phạm không được bồi thường nếu thiệt hại xảy ra do không áp dụng các biện pháp cần thiết, hợp lý để ngăn chặn, hạn chế thiệt hại cho chính mình"*¹⁰. Tức là, mặc dù có thể tồn tại hành vi xâm phạm quyền riêng tư, quyền của cá nhân đối với hình ảnh, song khi hành vi đó được thực hiện, người bị xâm phạm quyền có thể áp dụng ngay các biện pháp cần thiết, hợp lý để ngăn chặn, hạn chế thiệt hại nhưng lại không áp dụng các biện pháp này, dẫn đến thiệt hại xảy ra thì họ sẽ không được bồi thường những thiệt hại này.

Tuy vậy, khi yêu cầu bồi thường thiệt hại, người yêu cầu chỉ cần chứng minh mối quan hệ nhân quả giữa hành vi xâm phạm quyền riêng tư, quyền của cá nhân đối với

¹⁰ Xem khoản 5 Điều 585 BLDS năm 2015

hình ảnh mà không cần phải chứng minh việc có áp dụng các biện pháp ngăn chặn, hạn chế thiệt hại hay không. Việc chứng minh người bị xâm phạm quyền không áp dụng các biện pháp ngăn chặn, hạn chế thiệt hại thuộc về người chịu trách nhiệm bồi thường, song họ cũng chỉ phải thực hiện nghĩa vụ này khi họ muốn giải phóng khỏi một phần hoặc toàn bộ trách nhiệm bồi thường.

Tuy nhiên, đối với từng loại thiệt hại khác nhau, việc xác định mối quan hệ nhân quả cũng khác nhau. Đối với thiệt hại về vật chất (chi phí để hạn chế, khắc phục thiệt hại, thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút), người yêu cầu bồi thường phải có chứng cứ để chứng minh thiệt hại thiệt tế xảy ra và là hậu quả tất yếu của hành vi xâm phạm. Đối với thiệt hại về tinh thần (trong trường hợp hành vi xâm phạm quyền riêng tư, quyền của cá nhân đối với hình ảnh mà làm tổn hại đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân) thì người yêu cầu bồi thường không cần phải chứng minh, bởi đây là thiệt hại đương nhiên mà người xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân phải bồi thường ngay cả khi không có thiệt hại về vật chất.

2. Yếu tố lỗi và vai trò của yếu tố lỗi trong trách nhiệm bồi thường thiệt hại do xâm phạm quyền riêng tư, quyền của cá nhân đối với hình ảnh

BLDS năm 2015 không quy định riêng về lỗi trong trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng mà chỉ quy định quy về lỗi trong trách nhiệm dân sự tại Điều 364. Theo đó, lỗi trong trách nhiệm dân sự bao gồm lỗi cố ý, lỗi vô ý, trong đó: (i) Lỗi cố ý là trường hợp một người nhận thức rõ hành vi của mình sẽ gây thiệt hại cho người khác mà vẫn thực hiện và mong muốn hoặc tuy không mong muốn nhưng

để mặc cho thiệt hại xảy ra; (ii) Lỗi vô ý là trường hợp một người không thấy trước hành vi của mình có khả năng gây thiệt hại, mặc dù phải biết hoặc có thể biết trước thiệt hại sẽ xảy ra hoặc thấy trước hành vi của mình có khả năng gây thiệt hại, nhưng cho rằng thiệt hại sẽ không xảy ra hoặc có thể ngăn chặn được.

Trong BLDS năm 2015, lỗi không được coi là một trong những điều kiện làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nói chung, trách nhiệm bồi thường do xâm phạm quyền riêng tư, quyền của cá nhân đối với hình ảnh nói riêng¹¹. Tuy nhiên, việc xác định lỗi và hình thức lỗi của các bên (bên phải bồi thường và bên được bồi thường) vẫn có những vai trò nhất định trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nói chung, trách nhiệm bồi thường thiệt hại do xâm phạm quyền riêng tư, quyền của cá nhân đối với hình ảnh nói riêng. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, nếu xác định thiệt hại xảy ra hoàn toàn do lỗi của bên bị thiệt hại thì trách nhiệm bồi thường thiệt hại không phát sinh. Nội dung này được ghi nhận tại khoản 2 Điều 584 BLDS năm 2015 là một căn cứ loại trừ trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Khi người bị thiệt hại hoàn toàn có lỗi, tức là người gây thiệt hại hoặc chủ thể có liên quan sẽ được coi là không có lỗi. Điều này có thể dẫn đến cách hiểu rằng “người gây thiệt hại hoặc chủ thể có liên quan sẽ chỉ phải bồi thường nếu có lỗi”, tức là “lỗi là một trong các điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”. Song cách hiểu này không chính xác, bởi theo quy định của BLDS năm 2015,

¹¹ Xem thêm Đinh Trung Tụng (chủ biên, 2016), tldđ, tr.55.

việc chủ thể chịu trách nhiệm bồi thường không có lỗi hoặc có lỗi vô ý chỉ được coi là căn cứ để xem xét giảm mức bồi thường, tức là ngay cả khi không có lỗi vẫn có thể phải bồi thường. Kháng định này có thể được minh chứng thông qua bốn trường hợp cụ thể như sau:

(i) Người gây thiệt hại hoàn toàn có lỗi, người bị thiệt hại không có lỗi thì trách nhiệm bồi thường sẽ phát sinh.

(ii) Người gây thiệt hại có một phần lỗi, người bị thiệt hại cũng có một phần lỗi đối với thiệt hại xảy ra, trách nhiệm bồi thường thiệt hại sẽ phát sinh. Tuy nhiên, phần thiệt hại do lỗi của người bị thiệt hại gây ra thì người gây thiệt hại sẽ không phải bồi thường.

(iii) Người gây thiệt hại không có lỗi, người bị thiệt hại hoàn toàn có lỗi thì trách nhiệm bồi thường thiệt hại được loại trừ theo khoản 2 Điều 584 BLDS năm 2015.

(iv) Người gây thiệt hại không có lỗi, người bị thiệt hại không có lỗi thì trách nhiệm bồi thường thiệt hại vẫn phát sinh. Song, người chịu trách nhiệm bồi thường có thể được giảm mức bồi thường.

Thứ hai, xác định lỗi của các bên góp phần xác định mức bồi thường khi người bị thiệt hại cũng có lỗi¹² hoặc thiệt hại do nhiều người cùng gây ra¹³. Theo quy định tại Điều 585 BLDS, trường hợp người bị thiệt hại cũng có lỗi để thiệt hại xảy ra thì không được bồi thường phần thiệt hại do lỗi của mình gây ra. Ngoài ra, theo quy định tại Điều 587 BLDS, khi nhiều người cùng gây thiệt hại cho một người thì trước hết phải căn cứ vào mức độ lỗi của mỗi người để xác định mức bồi thường mà

từng người phải gánh chịu.

Thứ ba, việc xác định lỗi là căn cứ để xem xét giảm mức bồi thường khi người chịu trách nhiệm bồi thường không có lỗi hoặc có lỗi vô ý¹⁴. Đây cũng là một trong các nguyên tắc bồi thường thiệt hại được ghi nhận tại Điều 585 BLDS. Theo đó, nếu người chịu trách nhiệm bồi thường chứng minh được mình không có lỗi hoặc có lỗi vô ý mà thiệt hại xảy ra quá lớn so với khả năng kinh tế của họ thì có thể được xem xét để giảm mức bồi thường.

Thứ tư, việc xác định lỗi của người gây thiệt hại là căn cứ xác định trách nhiệm hoàn trả khi người của pháp nhân, người làm công, người học nghề gây thiệt hại¹⁵. Khi người của pháp nhân, người làm công, người học nghề gây thiệt hại khi đang thực hiện nhiệm vụ pháp nhân giao thì pháp nhân, người sử dụng người làm công, người học nghề phải bồi thường cho người bị thiệt hại. Việc yêu cầu người gây thiệt hại hoàn lại khoản tiền đã bồi thường chỉ đặt ra khi chứng minh được họ có lỗi trong việc gây ra thiệt hại.

3. Xác định thiệt hại được bồi thường

Theo quy định tại khoản 1 Điều 584 BLDS năm 2015, quyền riêng tư, quyền của cá nhân đối với hình ảnh và nhiều quyền nhân thân khác bị xâm phạm cũng có thể được bồi thường bởi đây là các “quyền, lợi ích hợp pháp” của cá nhân. Song BLDS năm 2015 không quy định cụ thể về thiệt hại được bồi thường khi quyền riêng tư, quyền của cá nhân đối với hình ảnh bị xâm phạm. Các quy định về xác định thiệt hại hiện nay chỉ hướng đến việc xác định thiệt hại khi tài sản, sức khoẻ, tính mạng, danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm. Vậy khi quyền

¹² Xem khoản 4 Điều 585 BLDS năm 2015.

¹³ Xem Điều 587 BLDS năm 2015.

¹⁴ Xem khoản 2 Điều 585 BLDS năm 2015.

¹⁵ Xem Điều 597 và Điều 600 BLDS năm 2015.

riêng tư, quyền của cá nhân đối với hình ảnh bị xâm phạm mà có đầy đủ các căn cứ làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thì thiệt hại được xác định theo căn cứ nào?

Như đã phân tích ở trên, hành vi xâm phạm quyền riêng tư, quyền của cá nhân đối với hình ảnh cũng có thể dẫn đến những tổn hại về danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân. Do đó, việc xác định thiệt hại khi quyền riêng tư, quyền của cá nhân đối với hình ảnh bị xâm phạm có thể xảy ra các trường hợp như sau:

(i) Trường hợp thứ nhất, hành vi xâm phạm quyền riêng tư, quyền của cá nhân đối với hình ảnh gây tổn hại đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân mang quyền thì việc xác định thiệt hại sẽ tuân theo quy định tại Điều 592 BLDS về xác định thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm, trong đó bao gồm cả những thiệt hại về vật chất và cả những thiệt hại về tinh thần.

(ii) Trường hợp thứ hai, hành vi xâm phạm quyền riêng tư, quyền của cá nhân đối với hình ảnh không gây tổn hại đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân mang quyền. Lúc này, không có quy định cụ thể và trực tiếp nào có thể được áp dụng để xác định thiệt hại được bồi thường. Song người bị xâm phạm đã phải bỏ chi phí để khắc phục thiệt hại thì việc xác định thiệt hại có thể dựa vào những giấy tờ hợp lệ mà người bị thiệt hại xuất trình khi yêu cầu bồi thường. Vậy thiệt hại về tinh thần có được đặt ra hay không? Việc áp dụng quy định về xác định thiệt hại như thế nào trong trường hợp này sẽ đều gây ra bất lợi cho ít nhất một bên. Nếu không áp dụng quy định về bù đắp tổn thất tinh thần cho người bị xâm phạm quyền thì khó có thể tính đến chuyện áp dụng nguyên tắc bồi thường toàn bộ, bởi quyền riêng tư, quyền

của cá nhân đối với hình ảnh là các quyền nhân thân không định giá được. Nếu áp dụng quy định bù đắp tổn thất về tinh thần thì sẽ không công bằng với bên phải bồi thường bởi chỉ khi xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín thì việc bù đắp tổn thất về tinh thần mới mặc nhiên được đặt ra.

Theo quan điểm của tác giả, cho dù hành vi xâm phạm quyền riêng tư, quyền của cá nhân đối với hình ảnh có gây tổn hại đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của người mang quyền hay không thì việc bù đắp tổn thất về tinh thần cũng nên được đặt ra. Bởi vì, quyền riêng tư và quyền của cá nhân đối với hình ảnh là các quyền nhân thân không gắn với tài sản và không định giá được thành tiền. Khi các quyền này bị xâm phạm, không thể có một công thức chung để tính toán những ảnh hưởng tích cực hay tiêu cực và mức độ lớn hay nhỏ của hành vi xâm phạm đối với đời sống của người bị xâm phạm. Việc đặt ra khoản bù đắp tổn thất về tinh thần sẽ góp phần giảm bớt phần nào những hậu quả mà có thể họ phải gánh chịu từ hành vi xâm phạm. Tuy nhiên, để có thể áp dụng được quy định này, cách tốt nhất hiện nay là áp dụng tương tự như xác định thiệt hại khi danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm tại Điều 592 BLDS năm 2015.

Như vậy, cho dù quyền riêng tư, quyền của cá nhân đối với hình ảnh bị xâm phạm ở mức độ nào thì thiệt hại được bồi thường cũng có thể gồm những loại sau:

(i) Chi phí hợp lý để hạn chế, khắc phục thiệt hại bao gồm: chi phí cần thiết cho việc thu hồi ấn phẩm có nội dung xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của người bị thiệt hại; chi phí cho việc thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm; tiền tàu, xe đi lại, thuê nhà trọ (nếu có) theo giá trung bình ở địa phương nơi thực hiện việc

chi phí để yêu cầu cơ quan chức năng xác minh sự việc, cải chính trên các phương tiện thông tin đại chúng; chi phí tổ chức xin lỗi, cải chính công khai tại nơi cư trú hoặc nơi làm việc của người bị thiệt hại và các chi phí thực tế, cần thiết khác để hạn chế, khắc phục thiệt hại (nếu có)¹⁶.

(ii) Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút¹⁷:

Nếu trước khi danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm, người bị xâm phạm có thu nhập thực tế, nhưng do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm người bị xâm phạm phải thực hiện những công việc để hạn chế, khắc phục thiệt hại, nên khoản thu nhập thực tế của họ bị mất hoặc bị giảm sút, thì họ được bồi thường khoản thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút đó.

Việc xác định thu nhập thực tế của người bị xâm phạm và việc xác định thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của người bị xâm phạm được thực hiện theo hướng dẫn xác định thu nhập bị mất, bị giảm sút khi sức khoẻ bị xâm phạm tại tiêu mục 1.2 mục 1 Phần II Nghị quyết số 03/2006.

(iii) Thiệt hại khác do luật quy định. Tức là ngoài những thiệt hại về vật chất được xác định ở trên, người bị xâm phạm quyền còn có thể được bồi thường các thiệt hại khác nếu luật có liên quan có quy định và có bằng chứng để chứng minh thiệt hại đã xảy ra trên thực tế.

(iv) Khoản tiền khác để bù đắp tổn thất về tinh thần. Đây là khoản thiệt hại mặc nhiên được bồi thường (không cần chứng

minh) khi hành vi xâm phạm quyền riêng tư, quyền của cá nhân đối với hình ảnh đã gây tổn hại về danh dự, nhân phẩm, uy tín cho cá nhân mang quyền. Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa cho một người có danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm không quá mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định.

4. Thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường

Trên thực tế hiện nay tồn tại hai luồng ý kiến khác nhau liên quan đến thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại do xâm phạm quyền nhân thân nói chung, quyền riêng tư, quyền của cá nhân đối với hình ảnh nói riêng. Luồng ý kiến thứ nhất cho rằng, yêu cầu bồi thường thiệt hại do xâm phạm quyền riêng tư, quyền của cá nhân đối với hình ảnh là yêu cầu bảo vệ quyền nhân thân không gắn với tài sản nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 BLDS. Luồng ý kiến thứ hai cho rằng, quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại là quyền tài sản nên vẫn áp dụng thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại, bất kể đối tượng bị xâm phạm dẫn đến thiệt hại là gì.

Theo quan điểm của tác giả, quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm hay do các quyền nhân thân (trong đó bao gồm quyền riêng tư, quyền của cá nhân đối với hình ảnh) bị xâm phạm thì cũng đều là quyền tài sản. Bởi vì, cần phải tách biệt đối tượng bị xâm phạm (quyền riêng tư, quyền của cá nhân đối với hình ảnh) với hậu quả xảy ra (thiệt hại). Khi quyền riêng tư, quyền của cá nhân đối với hình ảnh bị xâm phạm, các chủ thể được thực hiện các biện pháp bảo vệ, nhưng với các mức độ khác nhau, tùy thuộc vào hậu

^{16, 17} Xem mục 3 phần II Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLDS về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

quả xảy ra. Khi hành vi xâm phạm quyền riêng tư, quyền của cá nhân đối với hình ảnh đã dẫn đến thiệt hại, tức là có một quyền dân sự mới được xác lập, quyền này có tên là quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại¹⁸. Và đương nhiên, quyền này có liên quan nhưng lại độc lập với quyền riêng tư, quyền của cá nhân đối với hình ảnh (đối tượng bị xâm phạm). Đặc biệt, trong thời đại ngày nay, cho dù thiệt hại xảy ra do bất cứ đối tượng nào bị xâm phạm thì thiệt hại cũng được quy ra tiền hoặc các loại tài sản có giá trị tương đương. Chính vì vậy, quyền yêu cầu bồi thường mang bản chất của một quyền tài sản, nên việc áp dụng thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường là phù hợp.

BLDS không quy định riêng biệt về thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại do xâm phạm quyền riêng tư, quyền của cá nhân đối với hình ảnh mà chỉ quy định chung về thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường. Theo quy định tại Điều 588 BLDS năm 2015: *“Thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”*.

Theo quy định này, khi người có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại biết hoặc buộc phải biết quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm thì họ phải thực hiện quyền yêu cầu bồi thường trong thời hiệu 3 năm. Khi đã quá 3 năm kể từ ngày quyền, lợi ích bị xâm phạm mà người có quyền mới khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại thì có thể xảy ra một trong các hậu quả sau:

¹⁸ Theo quy định tại Điều 8 BLDS năm 2015, quyền dân sự được xác lập từ một trong các căn cứ đó là “bị thiệt hại do hành vi trái pháp luật”. Do đó, khi cá nhân bị thiệt hại do hành vi trái pháp luật xâm phạm quyền riêng tư, quyền đối với hình ảnh thì sẽ phát sinh quyền yêu cầu bồi thường, và quyền này là quyền về tài sản.

(i) Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự khi “đương sự có yêu cầu áp dụng thời hiệu trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ án và thời hiệu khởi kiện đã hết”¹⁹.

(ii) Tòa án vẫn giải quyết vụ án dân sự theo quy định nếu đương sự không có yêu cầu áp dụng thời hiệu hoặc có yêu cầu áp dụng thời hiệu sau khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ án.

(iii) Thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại vẫn còn và Tòa án vẫn giải quyết vụ án dân sự theo quy định nếu người có quyền chứng minh được khoảng thời gian không tính vào thời hiệu khởi kiện như: Sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan làm cho chủ thể có quyền khởi kiện, quyền yêu cầu không thể khởi kiện, yêu cầu trong phạm vi thời hiệu; Chưa có người đại diện trong trường hợp người có quyền khởi kiện, người có quyền yêu cầu là người chưa thành niên, mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; Người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự chưa có người đại diện khác thay thế²⁰.

(iv) Thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự đã hết nhưng có thể được bắt đầu lại trong trường hợp sau đây: Bên có nghĩa vụ đã thừa nhận một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện; Bên có nghĩa vụ thừa nhận hoặc thực hiện xong một phần nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện; Các bên đã tự hòa giải với nhau./.

¹⁹ Xem điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

²⁰ Xem Điều 156 BLDS năm 2015.